About Git

Các lệnh cơ bản:

- cd( change direction): thay đổi thư mục

- dir(Directory): cho phép xem và theo dõi cá tệp trong thư mục

- ls: cho phép xem và theo dõi cá tệp trong thư mục ( dùng trong Linux và macOS)

- mkdir + “folder name”: tạo ra thư mục mới (có dấu nháy khi có dấu cách )

- touch + “file name”: tạo ra một tập tin(có dấu nháy khi có dấu cách )

- echo: in/xuất nội dung

- dùng echo với dấu >: chỉ định hướng để xuất dữ liệu (overwrite)  
ví dụ:

echo “text” > vidu1.txt

- 2 dấu >> thì sẽ là chỉ định hướng để xuất dữ liệu( newline)

- cat: Hiển thị nội dung

- diff + “file1’ + “file2”: tìm sự khác biệt giữa 2 file

- rm(remove): xóa. -d (xóa thư mục rỗng). -r (xóa dữ liệu thư mục dù rỗng hay không)

Các lệnh tiếp theo:

- repository: kho lưu trữ

- commit: cam kết

- branch: nhánh

- main/master: tên của repo chính (main repo)

- merge/rebase: kết hợp 2 nhánh

- develop: tên của nhánh lập trình vi

- git --help

- git status: trạng thái của repo

- git log: hiển thị lịch sử các commit

- git init [repo name]: tạo ra một repo

- git clone [repo name] [clone name]

- git config -l : xem cấu hình hiện tại

- git config -l [--scope] [option\_name] [value]

Scope: --system: tât cả người dùng

-- global: liên quan đến repo của nhiều người dùng

-- local: liên quan đến 1 repo